Liên minh Pháp - Tây Ban Nha trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam 1858

Trần Nam Tiến

1. Những cơ sở dẫn đến nhu cầu xây dựng liên minh giữa Pháp và Tây Ban Nha trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX

Vào các thế kỷ XV-XVI, thông qua những thành tựu của các chuyến phát kiến địa lý, người phương Tây đã tìm ra con đường đi vòng quanh thế giới, qua đó bắt đầu mở rộng quá trình tìm kiếm thị trường, trao đổi, buôn bán, đồng thời tiến hành chinh phục các vùng đất thuộc các châu lục mới.

Trong bối cảnh đó, Tây Ban Nha, cùng với Bồ Đào Nha, đã trở thành những quốc gia đi tiên phong trong công cuộc phát kiến địa lý và sớm tiến hành chiến tranh xâm lược thuộc địa, qua đó trở thành những đế quốc thực dân đầu tiên trên thế giới. Trong nửa đầu thế kỷ XVI, Tây Ban Nha trở thành một trong những quốc gia hùng mạnh nhất châu Âu lúc bấy giờ. Hệ thống thuộc địa của đế chế Tây Ban Nha trải rộng khắp Trung Mỹ, Nam Mỹ, Mexico, một phần lớn miền nam nước Mỹ ngày nay, bán đảo Iberia, miền nam Italy, đảo Sicilia, một số nơi ngày nay thuộc các nước Đức, Bỉ, Lucxemburg, Hà Lan, phần thuộc địa ở quần đảo Philippines và quần đảo Marian. Có thể nói, thế kỷ XVI là thời kỳ hoàng kim của Tây Ban Nha cả về mặt kinh tế, quân sự và chính trị, chi phối cả Tây Âu[1]. Tuy nhiên, sự hùng cường về kinh tế và sự lớn mạnh của Đế chế Tây Ban Nha chỉ là một giai đoạn ngắn ngủi trong lịch sử Tây Âu trong thế kỷ XVI. Những năm cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII, Tây Ban Nha bắt đầu có những biểu hiện kiệt quệ về tài chính và sa đà vào những cuộc chiến tranh tốn kém để duy trì đế chế của mình. Những cuộc chiến tranh này đã khiến cho Đế chế Tây Ban Nha hao mòn nhân lực và vật lực, qua đó suy yếu nhanh chóng và để mất dần lãnh thổ và sự độc quyền thương mại của mình vào tay các đế quốc khác[2]. Trong thời điểm phát triển nhất của mình, Tây Ban Nha có hiện diện ở khu vực Đông Nam Á, nhưng chưa tiếp xúc nhiều với Đại Việt[3].

Bước sang thế kỷ XVII-XVIII, các nước tư bản ra đời sau các cuộc cách mạng tư sản, đại diện là Anh, Pháp, Hà Lan, đã bắt đầu vượt mặt Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha để chiếm lĩnh các thị phần quan trọng của thế giới, đặc biệt là khu vực Đông Á. Trong bối cảnh đó, nước Pháp dưới thời cai trị của vua Louis XIV đã vươn lên trở thành một cường quốc ở châu Âu. Vua Louis XIV đã tiến hành nhiều cuộc chiến tranh chinh phục các quốc gia ở châu Âu, biến Pháp trở thành cường quốc hàng đầu châu Âu. Trong thế kỷ XVII, Pháp trở thành quốc gia có ảnh hưởng to lớn đến chính trị, kinh tế và văn hóa của châu Âu. Thời điểm này, Pháp giành được nhiều thuộc địa hải ngoại tại châu Mỹ, châu Phi và châu Á[4]. Đây cũng là thời điểm người Pháp bắt đầu thâm nhập vào khu vực Viễn Đông, và có mặt ở Việt Nam.

Nếu so với nhiều nước phương Tây khác, Pháp là được xem là quốc gia đến Đại Việt muộn nhất. Những hoạt động của Pháp ở Đại Việt nằm trong sự tính toán của giáo sĩ François Pallu lúc đó đang chi phối chính trị triều đình Pháp: kết hợp truyền bá tôn giáo, khuếch trương sự vinh quang của nhà vua với các hoạt động buôn bán[5]. Vào thời điểm này, những hoạt động truyền giáo của người Pháp ít nhiều đe dọa sự tồn tại của các nguyên lý đạo đức - chính trị Nho giáo, cơ sở vững chắc của xã hội cổ truyền Việt Nam. Do vậy, đầu năm 1630, chúa Trịnh đã trục xuất giáo sĩ Alecxandre de Rhodes và thực hiện việc cấm đạo ở Đàng Ngoài[6]. Cuối thế kỷ XVII, người Pháp lại tiếp tục sang Việt Nam và kiên trì tìm kiếm một thỏa thuận thông thương. Năm 1669, chiếc tàu đầu tiên của công ty Đông Ấn Pháp đến Đàng Ngoài xin chúa Trịnh cho phép lập thương điếm ở Phố Hiến[7]. Tuy nhiên, mọi nỗ lực trong việc thiết lập quan hệ với phía Đại Việt của người Pháp vẫn chưa có kết quả cụ thể. Mãi đến năm 1681, thuyền trưởng Chappelain mới được chúa Trịnh cho phép thành

lập thương điếm và buôn bán ở phố Hiến[8]. Họ bán hàng và mua tơ lụa, xạ hương chở về. Năm 1682, chiếc tàu Saint-Josept từ Xiêm (Thái Lan) sang Việt Nam xin thông thương nhưng không được đón tiếp chu đáo[9]. Nhân sự kiện này, Công ty Đông Ấn Pháp tạm đình việc buôn bán với Đàng Ngoài, chỉ để lại các giáo sĩ truyền đạo. Đến những năm cuối thế kỷ XVII, lần lượt Anh rồi Hà Lan rời bỏ Đàng Ngoài, tuy nhiên, người Pháp vẫn duy trì một số hoạt động buôn bán tại đây.

Sang thế kỷ XVIII, người Pháp đến Đàng Trong, gặp chúa Nguyễn xin thông thương. Jacques O' Friell, nhân viên công ty Đông Ấn Pháp đã gặp chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát và được chúa chấp nhận cho buôn bán ở Đàng Trong và cấp sắc phong cho người Pháp[10]. Tuy nhiên, trong những năm đầu thế kỷ XVIII, quan hệ giữa người Pháp và Việt Nam vẫn chưa gắn bó mật thiết. Năm 1740, Pierre de Poivre, một thương nhân kiêm giáo sĩ đã đến Việt Nam. Năm 1744, Poivre gửi về Pháp một bản báo cáo khá tỉ mỉ về các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa của Đàng Trong[11]. Sau đó, Poivre được Bộ Hải quân Pháp giao nhiệm vụ liên lạc buôn bán với Đàng Trong. Năm 1749, Poivre mang thư và quà của vua Pháp tặng Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát. Chúa Nguyễn thể hiện sự trân trọng tình cảm của nước Pháp và mong muốn hai bên sẽ phát triển tốt quan hệ[12]. Sau sự kiện này, Poivre đã nhiều lần chở hàng hóa sang bán ở Đàng Trong, xin làm một số việc, xin thuê người, mua nô lệ và mua các thứ tơ lụa, lâm sản chở đi[13]. Tuy nhiên, năm 1750, Poivre đã có một số hành động ngang ngược, coi thường pháp luật Việt Nam. Trước khi rời Việt Nam, Poivre đã cho bắt một thông ngôn người Việt khiến chúa Nguyễn và dân chúng rất bất bình, phẫn nộ[14]. Đó chính là lý do Võ Vương ra lệnh trục xuất hết giáo sĩ ra khỏi Đàng Trong. Năm 1752, viên Toàn quyền Pháp ở Ấn Độ thông qua các giáo sĩ người Pháp gửi thư xin lỗi phía Đàng Trong, thương lượng để trả tự do cho viên thông ngôn thì vụ việc trên mới được dàn xếp.[15] Năm 1763, Pháp thất bại trong cuộc chiến tranh với Anh phải ký hòa ước Paris nhường vùng thuộc địa của Pháp tại Ấn Độ cho người Anh. Cuộc chiến tranh giành giật thuộc địa giữa Anh và Pháp đã cắt đứt mối giao thương với Việt Nam. Như vậy, cho đến nửa đầu thế kỷ XVIII, Pháp vẫn chưa tạo dựng được một vị trí đáng kể ở Việt Nam.

Năm 1771, cuộc khởi nghĩa Tây Sơn nổ ra và phát triển mạnh mẽ trong cả nước lật đổ cả hai tập đoàn phong kiến chúa Trịnh ở Đàng Ngoài và chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Ở Đàng Trong, từ năm 1777, chúa Nguyễn Ánh được một giám mục người Pháp tên là Bá Đa Lộc (Pigneau de Béhaine) giúp đỡ. Bá Đa Lộc đã khuyên Nguyễn Ánh nên cầu viện nước Pháp để chống lại Tây Sơn. Nguyễn Ánh đồng ý và quyết định giao hoàng tử Cảnh theo Bá Đa Lộc sang Pháp làm tin. Năm 1784, Bá Đa Lộc cùng hoàng

Tờ đầu và tờ cuối của Hiệp ước Versailles

tử Cảnh khởi hành đi Pháp. Tháng 5-1787, Bá Đa Lộc đã được tiếp kiến vua Pháp là Louis XVI và Bộ trưởng Hải quân De Castries. Ngày 28-11-1787, Bá Đa Lộc, đại diện cho Nguyễn Ánh đã cùng với Thượng thư Bộ Ngoại giao Mont Morin, đại diện vua Pháp ký Hiệp ước Versailles. Bản hiệp ước gồm 10 khoản, trong đó, phía Pháp sẽ gửi quân sang giúp Nguyễn Ánh đánh Tây Sơn, đổi lại Nguyễn Ánh sẽ nhượng cảng Hội An [thực tế phải là Đà Nẵng] và đảo Côn Lôn, đồng thời người Pháp được tự do buôn bán ở trong nước[16]. Tuy nhiên, Cách mạng tư sản Pháp bùng nổ năm 1789 lật đổ chính quyền của vua Louis XVI. Như vậy, Hiệp ước Versailles đã không được phía Pháp thực hiện. Trước tình hình đó, Bá Đa Lộc đã đứng ra vận động giới tư bản thuộc địa, quyên tiền mua tàu chiến, sắm khí giới và mộ người sang giúp Nguyễn Ánh. Thực chất, số lượng người và vũ khí do Bá Đa Lộc mang đến cho Nguyễn Ánh không nhiều lắm, do đó không phải đã có tác dụng quyết định công cuộc hồi phục của Nguyễn Ánh sau này. Tuy nhiên, những người Pháp được Bá Đa Lộc đưa sang, bên cạnh giúp đỡ Nguyễn Ánh về quân sự và chính trị, cũng đã gửi các báo cáo cung cấp tình hình Việt Nam về Pháp.

Từ khi Nguyễn Ánh lên ngôi (1802), thành lập ra nhà Nguyễn, vấn đề cấm đạo được thực hiện khá xuyên suốt. Đặc biệt, dưới thời Minh Mạng (1820-

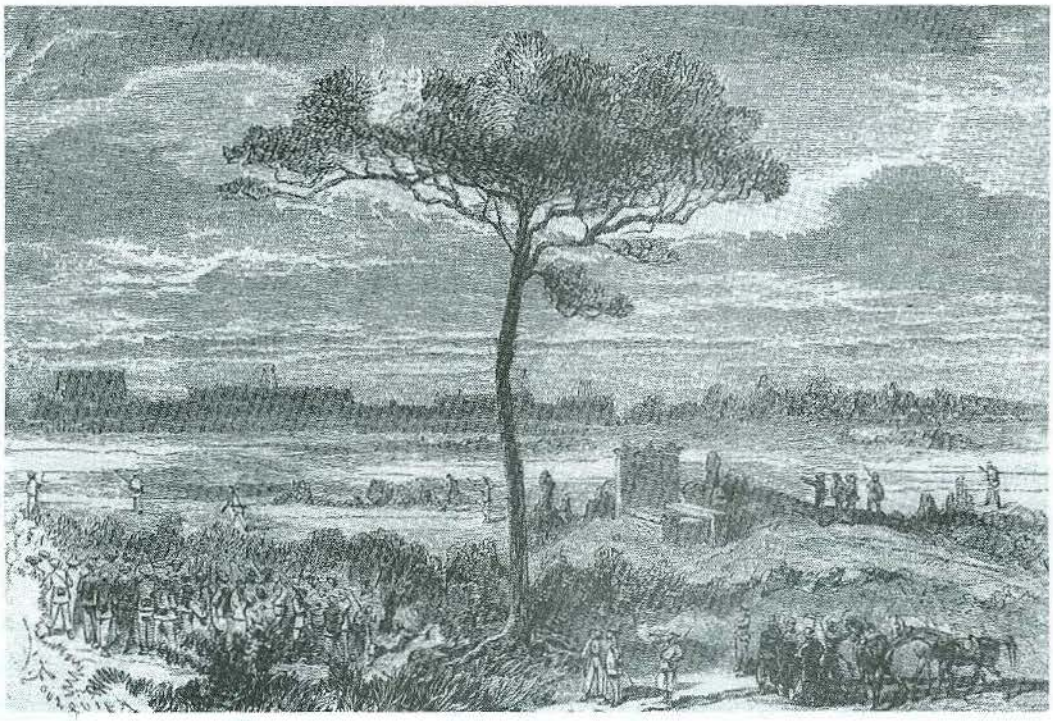

Liên quân Pháp - Tây Ban Nha thăm dò trận tuyến Kỳ Hòa. Tranh ký họa

1841), từ chính sách cấm đạo, ông đã đẩy tới những chủ trương sát đạo rất gay gắt. Nhiều giáo sĩ đã bị giết vì họ đã làm những việc mà vua Minh Mạng gọi là "do thám ngoại quốc" song song với việc truyền giáo. Đó là một trong các lý do khiến chính quyền triều Nguyễn đã chống "do thám ngoại quốc" thì tất phải chống đạo Thiên Chúa, gọi đó là "tả đạo"[17]. Không chỉ "do thám", những giáo sĩ này còn tích cực điều tra để xuất kế hoạch, thuyết phục Chính phủ Pháp xâm lược Việt Nam. Có thể thấy, chính sách "cấm đạo" của nhà Nguyễn đã nâng lên thành "sát đạo" ở thời Minh Mạng, tạo ra những bức xúc rất lớn của các nước phương Tây[18]. Thực chất, chính sách này bắt nguồn từ nhu cầu tự vệ và ý thức của giai cấp phong kiến cầm quyền trong vấn đề bảo vệ độc lập dân tộc và thống nhất văn hóa truyền thống, bởi lẽ vào "thời điểm lịch sử xảy ra cấm đạo gay gắt nhất của nhà Nguyễn cũng chính là thời điểm chủ nghĩa thực dân phương Tây đang ở vào giai đoạn triển khai mạnh mẽ nhất, cũng như sự truyền bá đạo Thiên Chúa đã biến chất"[19].

Truyền đạo trong thời điểm này không chỉ là truyền bá tôn giáo mà có cơ sở để Minh Mạng nghi ngờ về sự gắn bó với âm mưu xâm lược của thực dân Pháp. Chính sách "bài đạo" gay gắt dưới triều Minh Mạng là một nhân tố tạo nên cản trở, khó khăn lớn trong quan hệ giữa Việt Nam với các nước phương Tây, chủ yếu là Pháp trong thời kỳ này. Chính vì thế, tháng 11-1840, Minh Mạng đã cử một sứ đoàn do Trần Viết Xương dẫn đầu đến Pháp, vận động xin gặp hoàng đế Pháp, nhưng Louis Philippe đã từ chối. Đề cập đến kết quả ngoại giao giữa Pháp và Việt Nam, Gaultier đã cảm thấy tiếc cho cơ hội này, ông cho rằng "việc ngoại giao này thất bại do tính cố chấp của chính quyền Pháp qua sự xúi giục của bè phái Thiên Chúa hiểm tị mù quáng"[20]. Sang thời Thiệu Trị (1841-1847), chủ trương "cấm đạo" vẫn tiếp tục được thực hiện, tuy có phần nới lỏng hơn thời Minh Mạng. Sau khi lên nắm quyền, vua Tự Đức (1847-1883) đã tiếp tục đẩy mạnh chính sách cấm đạo ở Việt Nam khiến quan hệ giữa Việt Nam với các nước phương Tây, đặc biệt là với Pháp vẫn trong tình trạng căng thẳng. Theo Nguyễn Thế Anh thì: "Tự Đức nghi ngờ các nhà truyền đạo lại nhúng tay vào đời sống chính trị Việt Nam và bắt đầu một chính sách chống Thiên Chúa rất gắt gao"[21].

Năm 1852, Louis-Napoléon Bonaparte lên nắm quyền mở đầu cho Đế chế II với đế hiệu Napoléon III nhờ sự ủng hộ của Giáo hội Thiên Chúa giáo. Hoàng hậu Eugénie de Montijo, gốc người Tây Ban Nha, là một tín đồ Thiên Chúa giáo thuần thành, chủ trương bành trướng thế lực của giáo hội trên thế giới, kể cả châu Mỹ[22]. Trong bối cảnh này, các giáo sĩ Pháp hoạt động ở Việt Nam cũng tiến hành điều tra tình hình Việt Nam để báo cáo về nước, yêu cầu Chính phủ Pháp phải vũ trang can thiệp gấp vào Việt Nam... Những việc này càng làm cho Tự Đức thêm tức giận. Việc cấm đạo và sát đạo của triều đình Huế càng tiến hành dữ dội hơn. Tháng 7-1857, Tự Đức lại ban hành thêm một Đạo dụ cấm đạo nữa mở màn cho một thời kỳ tàn sát mới, tạo thêm lý do cho tư bản nước ngoài có cớ phát động chiến tranh xâm lược Việt Nam. Charles Gosselin, tác giả cuốn *Quốc gia An Nam (L'Empire d'Annam)* đã thú nhận: "Các cha đạo thực ra chỉ là cái cớ để chúng ra tay hành động đối với nước Nam. Việc mất Ấn Độ hồi thế kỷ XVIII, việc nước Anh địch thủ của chúng ta phát triển lực lượng ngày càng nhanh chóng ở

Viễn Đông buộc chúng ta phải cố tìm cách đặt chân vào vùng bể Trung Hoa, nếu không thì tất bị suy đồi, bị sa vào một tình trạng thấp kém đáng khinh. Nước Nam đã giúp chúng ta có cơ hội đó. Việc họ giết các giáo sĩ người Pháp đã cho chúng ta có cớ để can thiệp. Và chúng ta đã nắm ngay lấy cơ hội đó một cách vội vàng, dễ hiểu..."[23]. Chính sách cấm đạo và sát đạo của vua Tự Đức, nhất là sau sự kiện giám mục Fray José Maria Diaz Sanjurjo, người đồng hương với Hoàng hậu Pháp bị chém đầu ở Nam Định (tháng 7-1857)[24] đã khơi dậy thêm mối thù hận của hoàng hậu, và đề nghị Napoleon III phải trả thù cho các thánh tử đạo.

Thực chất, ngay từ năm 1855, dư luận Pháp gần như khẳng định việc can thiệp của Pháp vào Việt Nam là tất yếu. Sau khi Chiến tranh Crimean kết thúc (1856), vấn đề xâm chiếm Việt Nam bước vào giai đoạn quyết định cuối cùng. Theo tài liệu Pháp có 3 nhóm người tích cực vận động chính quyền Pháp xâm lược Việt Nam. Một là các sĩ quan hải quân Pháp trên biển Trung Hoa, hai là các nhân viên ngoại giao Pháp ở Trung Quốc, và ba là các giáo sĩ. Trong số các giáo sĩ, Linh mục Huc và giám mục Pellerin có ảnh hưởng trực tiếp đến vua Pháp. Ngay sau chiến tranh Crimean, Linh mục Huc và giám mục Pellerin đã điều trần với Napoléon III về dự án lập Công ty Đông Ấn của Pháp để khai thác Triều Tiên, Đà Nẵng và Madagascar. Tháng 1-1857, linh mục Huc trình bày với Napoléon III bản dự kiến và nhắc lại Hiệp ước Verseilles 1787, đề nghị thiết lập ngay một cơ sở "giàu có và mạnh mẽ" ở Việt Nam[25]. Cùng với Huc, giám mục Pellerin cũng đề nghị vua Pháp tiến hành chiến tranh để bảo vệ các tín đồ Thiên Chúa giáo ở Việt Nam[26].

Ngày 22-4-1857, Napoléon III cho thành lập Ủy ban Nam kỳ (La Commission de la Cochinchine)[27]. Ủy ban này do Bá tước Brenier - Công sứ toàn quyền ở Naples làm chủ tọa, thành viên gồm Pierre Cintrat đại diện cho Bộ Ngoại giao, Đô đốc Fourichon và đại tá Hải quân Jaurès đại diện cho Bộ Hải quân và Fleury đại diện cho Bộ Thương mại. Nhìn chung, ngoại trừ Cintrat là do dự, các thành viên còn lại đều ủng hộ cuộc chiến tranh của Pháp ở Việt Nam. Đầu tháng 7-1857, Napoléon III đồng ý với những đề nghị của linh mục Huc và giám mục Pellerin, giao cho Ủy ban Nam Kỳ tiến hành nghiên cứu trường hợp can thiệp vào Việt Nam. Ủy ban này đã họp 7 phiên liên tục từ ngày 28-4 đến ngày 18-5-1857 tại Bộ Ngoại giao Pháp về vấn đề Việt Nam, tính đến phản ứng của Anh, nhắc lại việc thực hiện Hiệp ước Verseilles 1787 và xét cả việc chống giáo sĩ 20 năm sau. "Ủy ban nhất trí kết luận rằng vì lợi ích của nước Pháp trên cả 3 mặt đạo đức, chính trị và thương mại mà thực hiện càng nhanh càng tốt những chuẩn bị bí mật chiếm lấy 3 thành phố chủ yếu của vương quốc Việt Nam [nguyên văn Cochinchine]. Cuối cùng, Ủy ban trình lên một kế hoạch đánh Việt Nam, do Phó Đô đốc Fourichon và Đại tá Jaurès xây dựng, xuất phát từ nước Pháp, hoạt động độc lập với hạm đội Pháp ở Trung Hoa, đánh chiếm Đà Nẵng, Sài Gòn, Kẻ Chợ (Hà Nội). Ủy ban bác bỏ ý kiến lập Công ty Đông Ấn mới và chống lại việc sáp nhập mà thiên về việc duy trì triều đại Việt Nam dưới sự bảo hộ của Pháp"[28]. Thêm vào đó, hoàng hậu nước Pháp là Engénie de Montijo cũng đã tác động mạnh đến quyết định đánh Việt Nam của Napoléon III. Tháng 8-1857, hoàng hậu Engénie de Montijo tuyên bố: "Phải báo thù cho các vị tử vì đạo của ta. Chúng ta là những người đầu tiên đã nghĩ tới xứ Đông Dương. Và chính ta có ý muốn sáp nhập xứ này"[29].

Tuy nhiên, người Pháp không muốn đơn độc trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Trong bối cảnh đó, nước Pháp muốn tìm kiếm một đối tác để xây dựng thành một liên minh đánh Việt Nam. Ý tưởng liên minh Pháp - Tây Ban Nha thành hiện thực vào tháng cuối cùng của năm 1857. Trên thực tế, Chính phủ Pháp biết rõ Tây Ban Nha rất búc xúc về các chính sách cấm đạo ở Việt Nam do đó, họ muốn liên kết để mong muốn Tây Ban Nha chia sẻ một phần trách nhiệm, giảm bớt chi phí chiến tranh. Tuy nhiên, có người lại cho rằng, Chính phủ Pháp cũng thể hiện sự bận tâm về tôn giáo đứng trên hết các bận tâm khác, và do đó việc liên kết với Tây Ban Nha – quốc gia chỉ chống Việt Nam vì những duyên cớ thuộc lĩnh vực đó, cho thấy rõ ý đồ của Chính phủ Pháp[30].

Đối với người Tây Ban Nha, việc các vua triều Nguyễn ngược đãi các giáo sĩ người Tây Ban Nha chính là nguyên nhân đã dẫn đến sự hợp tác Pháp trong một liên minh quân sự can thiệp vào Việt Nam nửa sau thế kỷ XIX. Từ thời Minh Mạng nắm quyền, Tây Ban Nha đã từng thể hiện sự bức xúc trước sự "cấm đạo", "sát đạo" của nhà Nguyễn. Sự tức giận của chính quyền Tây Ban Nha bùng lên dữ dội sau sự kiện triều đình Huế quyết xử tử giáo sĩ Fray José Maria Diaz Sanjurjo trong năm 1857. Do đó, khi phía Pháp đưa vấn đề "đạo" ở Việt Nam để đề nghị phía Tây Ban Nha hợp tác, chính quyền nước này đã nhanh chóng đồng ý.

Thái độ của Chính phủ Tây Ban Nha khiến mọi người nghĩ rằng họ chỉ muốn tham gia cuộc chiến ở Việt Nam như một cuộc biểu dương lực lượng ủng hộ đạo Thiên Chúa, chống lại chính sách "cấm đạo" và "sát đạo" của triều đình nhà Nguyễn. Điều này được thể hiện rõ trong văn thư của Bộ Ngoại giao Pháp: "Trên nguyên tắc, chúng ta (Chính phủ Pháp) chỉ đề nghị Tây Ban Nha hợp tác vào cuộc viễn chinh bởi vì thừa sai bị sát hại là người Tây Ban Nha; mặt khác, vì lúc ấy ta không biết là cuộc viễn chinh sẽ kết thúc bằng một hiệp ước với Nam kỳ hay bằng sự chiếm hữu hẳn một phần lãnh thổ của xứ này, nên có lẽ ta đã giả thuyết rằng Chính phủ Tây Ban Nha như thế là đã thỏa mãn rồi vì khí giới của họ đã mang lại vinh dự cho một cuộc viễn chinh được

thực hiện trong sự hợp tác với chúng ta"[31]. Mặc dù vậy, người Tây Ban Nha vốn trước đó cũng nhiều lần dòm ngó các vùng Đồ Sơn, Quảng Yên phía Bắc Việt Nam, nên nữ hoàng Tây Ban Nha là Isabel II sẵn sàng liên minh với Pháp trong cuộc viễn chinh này để kiếm lợi.■

(Xem tiếp kỳ sau)

CHÚ THÍCH:

1. Xem Alejandro Cañeque, "Imaging the Spanish empire: The Visual Construction of imperialauthority in habsburg New Spain", *Colonial Latin American Review*, Vol. 19, Issue 1, 2010, pp. 29-68; Xem thêm Henry Kamen, *Spain's Road to Empire: The Making of a World Power, 1492-1763*, Allen Lane, London, 2002; J. H. Elliott, Imperial Spain, 1469-1716, St Martin's Press, New York, 1964; Robert Goodwin, Spain: The Centre of the World 1519-1682, Bloomsbury Press, New York, 2015.

2. William S. Maltby, *The Rise and Fall of the Spanish Empire*, Palgrave Macmillan, Hampshire, UK, 2009, pp.172-190.

3. Xem Nguyễn Khắc Ngữ, *Tây phương tiếp xúc với Việt Nam: Bồ-đào-nha, Tây-ban-nha và Hòa-lan giao tiếp với Đại Việt (Thế kỷ XVI, XVII, XVIII)*, Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa, Toronto, Canada, 1988.

4. Stephen J. Lee, *Aspects of European history, 1494-1789*, Methuen, London, 1978, pp.217-218.

5. Xem Dom Guy-Marie Oury, *Mgr François Pallu ou les missions étrangères en Asie au 17e siècle*, Éditions France-Empire, Paris, 1985.

6. Jean Lacouture, *Jésuites: Les conquérants*, Le Seuil, Paris, 1991, p.311.

7. Hoang Anh Tuan, *Silk for Silver: Dutch-Vietnamese Relations, 1637-1700*, Brill, Leiden-Boston, 2007, p.56.

8. Paul Kaeppelin, *La Compagnie des Indes orientales et François Martin: étude sur l'histoire du commerce et des Établissements française dans l'Inde sous Louis XIV (1664-1719)*, Augustin Challamel, Paris, 1908, p.174.

9. Alain Forest - Georges Condominas, *Les missionnaires français au Tonkin et au Siam, XVIIe - XVIIIe siècles: Histoires du Siam*, L'Harmattan, 1998, Paris, pp.101-102.

10. Georges Taboulet, *La geste française en Indochine: Histoire par les textes de la France en Indochine des origines a 1914*, Tome 1, Librairie d'Amérique et d'Orient, Adrien-Maisonneuve, Paris, 1955, p.118.

11. Xem Pierre Poivre, "1744. Me'moire sur la Cochinchine", *Revue de l'Extreme-Orient*, Vol. 2, 1884, pp.324-337.

12. Charles B. Maybon, "Nguyên Anh, empereur et fondateur de dynastie Gialong (1802-1820)", *Revue de l'histoire des colonies françaises*, No 52, 1919, p.94.

13. Xem thêm Nguyễn Mạnh Dũng, "Về hoạt động thương mại của công ty Đông Ấn Pháp với Đại Việt (nửa cuối thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XVIII)", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 9-2006, tr.51-64.

14. Philippe Héduy, *Histoire de l'Indochine: La perle de l'Empire (1624-1954)*, Vol. 1, Editions Albin Michel, Paris, 1998, p.60.

15. Philippe Héduy, *Histoire de l'Indochine: La perle de l'Empire (1624-1954)*, Vol. 1, Sđd, pp.59-61.

16. Xem toàn văn Hiệp ước Versailles ngày 28-11-1787 tại M. de Clercq, *Recueil des traités de la France*, Tome premier: 1713-1802, Amyot, Paris, 1864, pp. 193-195.

17. Vũ Huy Phúc (chủ biên), *Lịch sử Việt Nam, 1858-1896*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2003, tr.27-28.

18. Mark W. McLeod, Sđd, pp.27-29.

19. Nguyễn Văn Kiệm, "Sự du nhập của đạo Thiên Chúa vào Việt Nam – Thực chất, hậu quả và hệ lụy", Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 1 (266), 1993, tr.16-28.

20. Marcel Gaultier. Gia-Long, C. Ardin, Saigon, 1933, p.240.

21. Nguyễn Thế Anh, *Việt Nam thời Pháp đô hộ*, Sài Gòn, 1971, tr.302-303.

22. Philippe Héduy, *Histoire de l'Indochine, la perle de l'Empire 1624-1954*, Sđd, p.130.

23. Charles Gosselin, *L'Empire d'Annam*, Perrin et Cie, Paris, 1904, p.105.

24. Do nghi ngờ giám mục Fray José María Díaz Sanjurjo có liên quan đến các hoạt động do thám của người phương Tây, ngày 20-7-1857, vua Tự Đức đã ra lệnh chặt đầu vị giáo sĩ này tại Nam Định. Sự kiện này khiến cho nhiều nước phương Tây phản ứng dữ dội, trong đó có Tây Ban Nha. Nhiều người cho rằng sự kiện này có tác động hết sức quan trọng cho việc chính quyền Tây Ban Nha liên minh với Pháp tấn công Việt Nam vào năm 1858. Xem Francisco A. Marín, *Martínez se va a la guerra. Intervenciones militares de España en el extranjero*, Inédita Editores, 2005, pp.179-180.

25. Gerald Cannon Hickey, *Kingdom in the Morning Mist: Mayréna in the Highlands of Vietnam*, University of Pennsylvania Press, Philadelphia, 1988, p.7.

26. Charles Keith, *Catholic Vietnam: A Church from Empire to Nation*, University of California Press, Berkeley, CA, 2012, p.39.

27. Oscar Chapuis, *The Last Emperors of Vietnam: From Tu Duc to Bao Dai*, Greenwood Press, Westport, Conn., 2000, p.6.

28. Georges Taboulet, *La Geste Française en Indochine*, Tome 1, Sđd, p. 407; Mark W. McLeod, *The Vietnamese Response to French Intervention, 1862-1874*, Praeger Publishers, New York, 1991, p.42.

29. Georges Taboulet, *La Geste Française en Indochine*, Tome 1, Sđd, pp.414-415.

30. Cao Huy Thuần, *Giáo sĩ Thừa sai và chính sách thuộc địa của Pháp tại Việt Nam (1857-1914)*, tái bản, Nxb. Hồng Đức, 2017, tr.64.

31. Văn thư không đề ngày của Bộ Ngoại giao Pháp về việc Tây Ban Nha hợp tác trong vấn đề Nam kỳ [Cochinchina], France, Ministère des Affaires Étrangères, Memoires et Documents, Asie, XXVII, pp.525-534.